

Số: 209/KL-TTr

Rạch Giá, ngày 08 tháng 11 năm 2023

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc thực hiện chính sách pháp luật về quản lý thu chi tài chính, ngân sách Nhà nước, các nguồn thu học sinh, các nguồn thu vận động tài trợ đối với Trường Tiểu học Lê Văn Tám, thành phố Rạch Giá

Thực hiện Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Chánh thanh tra thành phố, thanh tra việc thực hiện chính sách pháp luật về quản lý thu chi tài chính, ngân sách Nhà nước, các nguồn thu học sinh, các nguồn thu vận động, tài trợ đối với Trường Tiểu học Lê Văn Tám, thành phố Rạch Giá.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra số 03/BC-ĐTTr ngày 10/10/2023 của Trường Đoàn thanh tra, Chánh Thanh tra thành phố kết luận thanh tra như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

Trường Tiểu học Lê Văn Tám là đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập. Trường được thành lập theo Quyết định số 482/QĐ-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2003 của UBND thị xã Rạch Giá, hiện có 28 cán bộ, giáo viên và nhân viên. Trong đó, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, 24 giáo viên, 02 nhân viên, là trường loại II, đạt chuẩn quốc gia mức độ I năm 2012, 18 lớp với 643 học sinh.

Trường thực hiện hình thức dạy và học bán trú từ năm học 2020-2021, hiện toàn trường có 07 lớp bán trú với 239 học sinh (khối 1: 01 lớp; khối 2: 02 lớp; khối 3: 02 lớp; khối 4: 02 lớp). Những năm qua, chất lượng giảng dạy của trường từng bước được nâng lên, đáp ứng được nhu cầu học tập của học sinh trong điều kiện mới.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Việc thực hiện nhiệm vụ thu năm 2021, 2022

Tổng thu 12.625.951.972 đồng (Kết dư 1.362.907.009 đồng), trong đó:

1.1. Ngân sách nhà nước cấp, số tiền 10.193.022.463 đồng, gồm:

- + Thu kết dư năm 2020 chuyển sang 2021, số tiền 496.423.145 đồng;
- + Ngân sách nhà nước cấp năm 2021, 2022: 9.696.599.318 đồng;

1.2. Thu các nguồn thu của học sinh năm học 2021-2022; 2022-2023 số tiền 226.407.047 đồng, gồm:

- Thu kết dư năm học 2020-2021 chuyển sang, số tiền 135.591.047 đồng;
- Thu năm học 2021-2022, 2022-2023, số tiền 90.816.000 đồng, gồm:
 - + Nguồn thu phục vụ vệ sinh 33.300.000 đồng;
 - + Nguồn thu ghế ngồi chào cờ 8.100.000 đồng;
 - + Nguồn thu đồ dùng, học bạ 19.140.000 đồng;
 - + Nguồn thu kế hoạch nhỏ, heo đất 30.276.000 đồng.

1.3. Thu hoạt động bán trú 2022-2023, số tiền 1.359.684.080 đồng, gồm:

- Kết dư năm học 2020-2021 chuyển sang 38.964.080 đồng;



- Thu dịch vụ bán trú 386.250.000 đồng;
- Thu tiền ăn bán trú 913.920.000 đồng;
- Thu mua sắm cơ sở vật chất bán trú ban đầu 20.550.000 đồng.

(Năm học 2021-2022 do dịch Covid-19, Trường không thực hiện dạy bán trú)

1.4. Thu dạy Anh văn, Tin học năm học 2022-2023, số tiền **46.621.750** đồng, trong đó:

- Kết dư năm học 2020-2021 chuyển sang 24.121.750 đồng;
- Thu dạy Tin học năm học 2022-2023, số tiền 22.500.000 đồng.

(Năm học 2021-2022 Trường sử dụng kinh phí kết dư)

1.5. Thu vận động năm học 2021-2022, số tiền **165.064.658** đồng, gồm:

- Kết dư năm học 2020-2021 chuyển sang, số tiền 68.771.500 đồng;
- Vận động khen thưởng học sinh năm học 2021-2022: 96.293.158 đồng.

(Năm học 2022-2023 Trường sử dụng kinh phí kết dư)

1.6. Thu thù lao bán BHYT, BHTN học sinh, số tiền **34.621.487** đồng, gồm:

- Năm học 2021-2022: 17.269.600 đồng;
- Năm học 2022-2023: 17.351.887 đồng.

1.7. Kết dư năm 2020 chuyển sang, số tiền **600.530.487** đồng, gồm:

- + Quỹ hoạt động phát triển sự nghiệp 22.297.269 đồng;
- + Quỹ phúc lợi tập thể 342.593.477 đồng;
- + Quỹ khen thưởng 185.219.401 đồng;
- + Nguồn cho thuê mặt bằng 50.420.340 đồng (từ trước năm 2004).

(Bảng kê số 01)

Qua thanh tra nhận thấy, Trường Tiểu học Lê Văn Tám có mở sổ sách kế toán, sổ theo dõi quỹ tiền mặt (kế toán), sổ tiền gửi các nguồn thu; hằng năm có xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý tài sản công, định kỳ có đối chiếu với Kho bạc Nhà nước và công khai tài chính theo quy định.

Tuy nhiên, qua thanh tra đơn vị còn một số hạn chế như sau:

- Thủ quỹ trường không mở sổ quỹ tiền mặt nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn thu của đơn vị.

- Thu tiền điện máy lạnh của học sinh các lớp bán trú chưa nộp trả ngân sách nhà nước **6.511.170** đồng¹.

- Năm học 2021-2022 thu tiền giấy kiểm tra của học sinh **3.020.000** đồng (thu học kỳ 2) do giáo viên chủ nhiệm thu nộp về cho Hiệu trưởng Trường, đã chỉ in giấy kiểm tra cho học sinh (từ năm học 2022-2023 đến nay không thu).

- Chưa thực hiện báo cáo phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố khoản thu cho thuê mặt bằng từ trước năm 2004 hiện còn tồn tại tài khoản tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước **50.420.340** đồng (có đối chiếu Kho bạc).

2. Việc thực hiện nhiệm vụ chi năm 2021, 2022

¹ Năm học 2021-2022; 2022-2023 thu 14.272.400 đồng đã nộp trả tiền điện ngân sách nhà nước 7.761.230 đồng, còn lại 6.511.170 đồng hiện Thủ quỹ Trường quản lý.

Tổng chi 11.548.662.328 đồng, trong đó:

2.1. Nguồn ngân sách Nhà nước 9.967.871.792 đồng gồm:

- Kinh phí tự chủ, số tiền 8.577.580.622 đồng, gồm:
- Kinh phí không tự chủ 658.060.000 đồng;
- Kinh phí cải cách tiền lương 732.231.170 đồng.

2.2. Chi các nguồn thu học sinh năm học 2021-2022, 2022-2023 số tiền 139.788.000 đồng, gồm:

- Chi phục vụ vệ sinh 39.600.000 đồng;
- Chi mua ghế ngồi chào cờ 8.250.000 đồng;
- Chi mua đồ dùng, học bạ cho học sinh 21.678.000 đồng;
- Chi chăm sóc sức khỏe ban đầu 24.498.000 đồng;
- Chi kế hoạch nhỏ, heo đất 31.193.000 đồng;
- Chi kinh phí hoạt động Ban đại diện CMHS 14.569.000 đồng.

2.3. Chi hoạt động bán trú 2022-2023, số tiền 1.147.179.050 đồng, gồm:

- Chi hoạt động dạy bán trú 212.088.750 đồng;
- Chi tiền ăn cho học sinh bán trú 913.920.000 đồng;
- Chi mua sắm CSVN bán trú ban đầu 21.170.300 đồng.

(Năm học 2021-2022 Trường không thực hiện dạy bán trú do dịch Covid-19)

2.4. Chi bồi dưỡng bán BHYT, BHYT học sinh, số tiền 34.621.487 đồng

2.5. Chi dạy Anh văn, Tin học, số tiền 24.215.000 đồng, gồm:

- Chi dạy Anh văn năm học 2021-2022, số tiền 3.920.000 đồng;
- Chi dạy Tin học năm học 2022-2023, số tiền 20.295.000 đồng.

2.6. Chi từ nguồn vận động, số tiền 161.862.000 đồng, gồm:

- Chi khen thưởng học sinh năm học 2021-2022 số tiền 73.436.000 đồng;
- Chi khen thưởng học sinh năm học 2022-2023 số tiền 88.426.000 đồng.

2.7. Chi kinh phí trích lập quỹ, số tiền 73.124.999 đồng, gồm:

- Chi quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp 17.850.000 đồng;
- Chi quỹ phúc lợi tập thể 47.869.999 đồng;
- Chi quỹ khen thưởng 7.405.000 đồng.

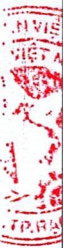
(Bảng kê số 02)

Cân đối thu – chi

- Kết dư 1.362.902.009 đồng (tiền mặt 9.841.172 đồng).
- Tổng thu (giao) 11.263.049.963 đồng.
- Tổng chi 11.548.662.328 đồng.
- Tồn 1.077.289.644 đồng, trong đó:
 - + Tồn tiền mặt 8.924.172 đồng;
 - + Tồn tại kho bạc 1.068.365.472 đồng.

(Bảng kê số 03)

Trong thực hiện nhiệm vụ chi, Trường Tiểu học Lê Văn Tám chấp hành cơ bản đúng các quy định của Nhà nước như: Cập nhật, phê duyệt chứng từ; tạm ứng, đối chiếu, thanh toán các khoản chi qua kho bạc nhà nước và báo cáo quyết toán với Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố; các khoản chi cơ bản có bám



vào các tiêu chuẩn, định mức theo quy định hiện hành; việc sử dụng ngân sách nhà nước hằng năm có tiết kiệm, tăng thu nhập cho cán bộ, giáo viên.

Tuy nhiên, qua thanh tra đơn vị còn một số hạn chế như sau:

- Thiếu kiểm tra việc lập dự toán công trình nhà ăn bán trú, hệ thống thoát nước để Công ty TNHH MTV Cơ điện Trung Quận lập dự toán thừa khối lượng số tiền **7.388.126** đồng (Công ty đã nộp khắc phục).

- Lập chứng từ thanh toán tiền làm thêm giờ, tiền bồi dưỡng bán trú, công tác phí số tiền **15.750.000** đồng của bà Trịnh Thị Giang, giáo viên Trường để lấy tiền thuê ông Giang Ngọc Đức, giáo viên Trường Tiểu học Trần Bình Trọng làm hồ sơ, sổ sách kế toán trường từ tháng 10/2020 đến tháng 02/2021 (*do bà Trịnh Thị Thanh Bình, Kế toán trường nghỉ hộ sản*).

- Sử dụng quỹ phúc lợi tập thể của đơn vị chi hỗ trợ cho 13 giáo viên trường đi tham quan hè năm học 2022-2023 sai quy định, số tiền **13.000.000** đồng, có xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ.

- Chi khen thưởng giáo viên sai quy định **1.900.000** đồng (*khen thưởng 04 giáo viên đạt Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, số tiền 1.200.000 đồng; 01 giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh 300.000 đồng; 02 giáo viên dạy giỏi cấp thành phố 200.000 đồng (chi từ quỹ khen thưởng)*).

- Chi bồi dưỡng thù lao bán BHYT, BHTN học sinh vượt quy định **3.189.000** đồng.

- Chi mua bàn, ghế học sinh bán trú sai nguồn kinh phí **70.766.080** đồng².

III. NHẬN XÉT, KẾT LUẬN

1. Về ưu điểm

Trong công tác quản lý thu, chi tài chính, ngân sách Nhà nước; các nguồn thu học sinh. Trường Tiểu học Lê Văn Tám có mở sổ sách kế toán, sổ theo dõi quỹ tiền mặt, sổ tiền gửi các nguồn thu theo quy định; có xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý tài sản công; sử dụng tài chính hằng năm có tiết kiệm; việc cập nhật, phê duyệt chứng từ; tạm ứng, đối chiếu, thanh toán các khoản chi qua kho bạc nhà nước, báo cáo quyết toán với Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố và công khai tài chính theo quy định.

Các nguồn thu của học sinh hằng năm cơ bản có bám vào Tờ trình của phòng Giáo dục và Đào tạo được UBND thành phố phê duyệt; việc tổ chức vận động chi khen thưởng, thực hiện các phong trào của học sinh có xây dựng kế hoạch được phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố phê duyệt theo quy định tại *Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân*.

2. Tồn tại, hạn chế

² Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố giao dự toán ngân sách Nhà nước số tiền 192.500.000 đồng để trường mua 55 bộ bàn, ghế cho học sinh bán trú. Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 30/7/2020 của HĐND thành phố quy định trích 35% nguồn thu dịch vụ bán trú để chi tăng cường cơ sở vật chất. Tại thời điểm mua sắm trường còn tồn tại kho bạc 70.766.080 đồng nhưng không sử dụng để mua sắm.

Bên cạnh những ưu điểm, Trường tiểu học Lê Văn Tám vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như sau:

Trong công tác quản lý thu, chi tài chính ngân sách còn chưa thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở thủ quỹ trường thực hiện việc mở sổ quỹ tiền mặt theo dõi các nguồn thu của đơn vị; thu tiền điện máy lạnh các lớp học bán trú chưa kịp thời nộp trả ngân sách nhà nước; chưa đưa vào báo cáo nguồn thu cho thuê mặt bằng của đơn vị còn tồn tại tài khoản tiền gửi kho bạc qua nhiều năm; thiếu kiểm tra để đơn vị thi công công trình nhà ăn bán trú, hệ thống thoát nước lập dự toán thừa khối lượng; trong chi thường xuyên còn chi sai, vượt quy định, chi sai nguồn như kết luận thanh tra đã nêu.

Những tồn tại, hạn chế nêu trên là thực hiện chưa đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Luật ngân sách Nhà nước năm 2015; Điều 10 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư, xây dựng; khoản 2 Điều 5 Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp; Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 30/7/2020 của Hội đồng Nhân dân thành phố về điều chỉnh mức thu, chi nguồn kinh phí bán trú của một số trường Tiểu học, Trung học cơ sở trên địa bàn thành phố.

3. Về trách nhiệm

3.1. Trách nhiệm tập thể

Tập thể Lãnh đạo Trường Tiểu học Lê Văn Tám phải chịu trách nhiệm chung về những tồn tại, hạn chế trong quản lý thu, chi tài chính, ngân sách Nhà nước; các nguồn thu học sinh như kết luận thanh tra đã nêu.

3.2. Trách nhiệm cá nhân

- Ông **Huỳnh Thanh Lâm**, Hiệu trưởng Trường chịu trách nhiệm với vai trò là người đứng đầu trong quản lý, điều hành đơn vị còn để xảy ra những tồn tại, hạn chế trong quản lý thu, chi tài chính, ngân sách, các nguồn thu học sinh như kết luận thanh tra đã nêu theo quy định tại *khoản 1 điều 61 Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015*.

- Bà **Trịnh Thị Thanh Bình**, nguyên Kế toán Trường Tiểu học Lê Văn Tám từ năm 2018 đến tháng 6/2022 (*đã chuyển công tác về Chi cục Chăn nuôi và thú y tỉnh Kiên Giang*) và bà **Huỳnh Ngọc Sương**, Kế toán Trường từ tháng 7/2022 đến nay. Chịu trách nhiệm trong thời gian phụ trách Kế toán Trường với vai trò tham mưu cho Hiệu trưởng Trường trong quản lý thu, chi tài chính, ngân sách; các nguồn thu học sinh để xảy ra những tồn tại, hạn chế như kết luận thanh tra đã nêu quy định tại *khoản 2 điều 61 Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015*.

- Bà **Phan Thị Hợp**, Thủ quỹ Trường chịu trách nhiệm việc không mở sổ quỹ tiền mặt nguồn kinh phí ngân sách Nhà nước; các nguồn thu học sinh như kết luận thanh tra đã nêu.

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

1. Về chủ trương

- Trường Tiểu học Lê Văn Tám phải chấm dứt ngay việc thu chưa đúng quy định, chi sai, chi vượt quy định, chi sai nguồn như kết luận đã nêu. Chỉ đạo

Thủ quỹ Trường mở sổ quỹ tiền mặt các nguồn thu, khoản chi của đơn vị, định kỳ phải đối chiếu quỹ tiền mặt với kế toán trường theo quy định tại khoản 7 Điều 5 Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp; thường xuyên thực hiện công tác tự kiểm tra, kiểm soát nội bộ để kịp thời phát hiện chấn chỉnh, khắc phục những tồn tại, hạn chế trong quản lý thu, chi tài chính ngân sách có thể xảy ra thời gian tới.

- Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố: Trước khi tham mưu UBND thành phố giao dự toán chi ngân sách Nhà nước cho các đơn vị trường học trực thuộc để thực hiện mua sắm thiết bị dạy học, cơ sở vật chất phục vụ cho học sinh bán trú, phải rà soát sử dụng kinh phí trích mua sắm thiết bị dạy học, cơ sở vật chất từ nguồn thu dịch vụ bán trú tại các đơn vị theo quy định tại Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 30/7/2020 của Hội đồng Nhân dân thành phố, để tiết kiệm kinh phí ngân sách Nhà nước.

2. Về tổ chức - hành chính

* Đề nghị phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố chủ trì, phối hợp phòng Nội vụ thành phố, Thanh tra thành phố:

- Đối với tập thể

Kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với tập thể Lãnh đạo Trường Tiểu học Lê Văn Tám do trong quá trình quản lý, điều hành đơn vị còn để xảy ra những tồn tại, hạn chế như kết luận thanh tra đã nêu.

- Đối với cá nhân

Kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với ông **Huỳnh Thanh Lâm**, Hiệu trưởng Trường Tiểu học Lê Văn Tám với vai trò là người đứng đầu đơn vị trong quản lý, điều hành đơn vị còn để xảy ra những tồn tại, hạn chế trong thu, chi tài chính ngân sách, các nguồn thu của học sinh như kết luận thanh tra đã nêu.

* Giao Hiệu trưởng Trường Tiểu học Lê Văn Tám:

- Kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với bà **Trịnh Thị Thanh Bình**, nguyên Kế toán Trường Tiểu học Lê Văn Tám từ năm 2018 đến tháng 6/2022 (đã chuyển công tác về Chi cục Chăn nuôi và thú y tỉnh Kiên Giang) do trong thời gian phụ trách kế toán trường với vai trò tham mưu cho Hiệu trưởng Trường trong quản lý thu, chi tài chính, ngân sách; các nguồn thu của học sinh để xảy ra những tồn tại, hạn chế như kết luận thanh tra đã nêu.

- Kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với bà **Phan Thị Hợp**, Thủ quỹ Trường với trách nhiệm quản lý tiền mặt tại đơn vị không mở sổ theo dõi quỹ tiền mặt các nguồn thu của đơn vị theo quy định.

* Đối với bà **Huỳnh Ngọc Sương**, Kế toán Trường từ tháng 7/2022 đến tháng 12/2022 (thời kỳ thanh tra) cần phải tự rút kinh nghiệm trong tham mưu cho Hiệu trưởng Trường về quản lý thu, chi tài chính, ngân sách, không để xảy ra những tồn tại, hạn chế như kết luận thanh tra đã nêu trong thời gian tới.

3. Về kinh tế

Xử lý tổng số tiền sai phạm, số tiền **168.924.716** đồng, trong đó:

- Thu hồi nộp ngân sách Nhà nước **135.085.716** đồng, gồm:
 - + Lập dự toán thi công nhà ăn bán trú, hệ thống thoát nước thừa khối lượng 7.388.126 đồng (đơn vị thi công đã nộp khắc phục);
 - + Chưa nộp trả ngân sách nhà nước tiền điện bán trú đã thu của học sinh 6.511.170 đồng (Thủ quỹ Trường đang quản lý);
 - + Thu hồi tiền cho thuê mặt bằng còn tồn tại tài khoản tiền gửi Kho bạc Nhà nước từ năm 2004 đến nay 50.420.340 đồng;
 - + Thu hồi số tiền chi sai nguồn mua sắm 55 bộ bàn ghế cho học sinh bán trú 70.766.080 đồng (hiện còn tồn tại tài khoản tiền gửi kho bạc).
- Thu hồi cho đơn vị **3.189.000** đồng chi vượt quy định tiền thù lao bán BHYT, BHTN cho học sinh.
- Xem xét cho thanh toán **30.650.000** đồng, gồm:
 - + Chứng từ thanh toán để lấy tiền thuê ông Giang Ngọc Đức làm hồ sơ, sổ sách kế toán trường 15.750.000 đồng;
 - + Chi khen thưởng giáo viên đạt Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh, thành phố 1.900.000 đồng;
 - + Hỗ trợ giáo viên tham quan hè 13.000.000 đồng.

Do xét thấy khoản chi nêu trên thực tế có chi cho công việc chung của đơn vị; chi nhằm khen thưởng nhằm khuyến khích, động viên sáng kiến, phong trào của giáo viên, chưa phát hiện có vụ lợi, tư túi cá nhân. Tuy nhiên, Trường Tiểu học Lê Văn Tám phải nghiêm túc rút kinh nghiệm trong thời gian tới.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Giao trách nhiệm Trường Đoàn thanh tra chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai Kết luận thanh tra này. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản kết luận xử lý. Hiệu trưởng Trường Tiểu học Lê Văn Tám, các cá nhân, đơn vị liên quan có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện đúng các nội dung kết luận xử lý và báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện về Chủ tịch UBND thành phố, Chánh Thanh tra thành phố theo đúng quy định.

Thanh tra thành phố theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Kết luận thanh tra và báo cáo kết quả thực hiện với Chủ tịch UBND thành phố. *Phạm Quốc Tước*

Nơi nhận:

- Thanh tra tỉnh (b/c);
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- Chủ tịch và các PCT UBND thành phố;
- Ủy ban Kiểm tra thành ủy;
- Phòng Nội vụ thành phố;
- Phòng GD và ĐT thành phố;
- Thanh tra thành phố;
- Trường TH Lê Văn Tám;
- Lưu: VT, HS ĐTT.

CHÁNH THANH TRA



Phạm Quốc Tước



BẢNG TỔNG HỢP THU NGÂN SÁCH NĂM 2021, 2022 VÀ CÁC NGUỒN QUỸ NĂM HỌC 2021-2022, 2022-2023
(Ban hành kèm theo Kết luận thanh tra số 209/KL-TTr ngày 08/11/2023 của Chánh Thanh tra thành phố Rach Giá)

Bảng kê số 01

STT	NỘI DUNG	TỔNG THU	Kết dư năm 2020 chuyển	THU			GHI CHÚ
				Năm 2021	Năm 2022	Tổng	
I	NGUỒN NGÂN SÁCH NĂM 2021-2022	10.193.022.463	496.423.145	4.767.207.893	4.929.391.425	9.696.599.318	
1	Kinh phí tự chủ (mã nguồn 13)	8.802.731.293	475.394.048	3.682.255.820	4.645.081.425	8.327.337.245	
2	Kinh phí cải cách tiền lương (mã nguồn 14)	732.231.170	21.029.097	711.202.073	0	711.202.073	
3	Kinh phí không tự chủ (mã nguồn 12)	232.000.000	0	170.500.000	61.500.000	232.000.000	
4	Kinh phí không tự chủ (mã nguồn 15)	406.750.000	0	203.250.000	203.500.000	406.750.000	
5	Kinh phí khen thưởng	19.310.000	0	0	19.310.000	19.310.000	
II	CÁC NGUỒN THU CỦA HỌC SINH NĂM HỌC 2021-2022 VÀ NĂM HỌC 2022-2023	226.407.047	135.591.047	20.240.000	70.576.000	90.816.000	
6	Thu phục vụ vệ sinh	43.420.000	10.120.000	5.940.000	27.360.000	33.300.000	
7	Thu Ghế ngồi chào cờ	8.250.000	150.000	3.150.000	4.950.000	8.100.000	
8	Thu Đồ dùng, học bạ	35.030.500	15.890.500	3.540.000	15.600.000	19.140.000	
9	Thu Chăm sóc sức khỏe ban đầu	65.505.800	65.505.800	0	0	0	
10	Thu Kế hoạch nhỏ, heo đất	40.117.172	9.841.172	7.610.000	22.666.000	30.276.000	
11	Thu kinh phí hoạt động Ban đại diện cha mẹ học sinh	34.083.575	34.083.575	0	0	0	
III	NGUỒN THU BÁN TRÚ	1.359.684.080	38.964.080	0	1.320.720.000	1.320.720.000	
12	Thu dịch vụ bán trú	410.364.080	24.114.080	0	386.250.000	386.250.000	
13	Thu tiền ăn bán trú	913.920.000	0	0	913.920.000	913.920.000	
18	Thu mua sắm cơ sở vật chất ban đầu	35.400.000	14.850.000	0	20.550.000	20.550.000	
IV	NGUỒN DẠY ANH VĂN, TIN HỌC	46.621.750	24.121.750	0	22.500.000	22.500.000	
19	Thu dạy Tin học	38.516.750	16.016.750	0	22.500.000	22.500.000	
20	Thu dạy Anh văn	8.105.000	8.105.000	0	0	0	
V	NGUỒN VẬN ĐỘNG TÀI TRỢ, XÃ HỘI HÓA	165.064.658	68.771.500	96.293.158	0	96.293.158	
21	Thu vận động khen thưởng học sinh	165.064.658	68.771.500	96.293.158	0	96.293.158	
VI	NGUỒN THU THỦ LAO, HOA HỒNG	34.621.487	0	17.269.600	17.351.887	34.621.487	

STT	NỘI DUNG	TỔNG THU	Kết dư năm 2020 chuyển	THU			GHI CHÚ
				Năm 2021	Năm 2022	Tổng	
22	Thu thù lao, hoa hồng BHYT, BHTN	34.621.487		17.269.600	17.351.887	34.621.487	
VII	TRÍCH LẬP QUỸ	600.530.487	599.030.487	0	1.500.000	1.500.000	
23	Quỹ hoạt động phát triển sự nghiệp	22.297.269	22.297.269	0	0	0	
24	Quỹ phúc lợi	342.593.477	342.593.477		0	0	
25	Quỹ khen thưởng	185.219.401	185.219.401	0	0	0	
26	Nguồn hoạt động dịch vụ	50.420.340	48.920.340	0	1.500.000	1.500.000	
	TỔNG CỘNG	12.625.951.972	1.362.902.009	4.901.010.651	6.362.039.312	11.263.049.963	



BẢNG TỔNG HỢP CHI NGÂN SÁCH NĂM 2021, 2022; CÁC NGUỒN QUỸ NĂM HỌC 2021-2022, 2022-2023
(Ban hành kèm theo Kết luận thanh tra số 209/KL-TTr ngày 08/11/2023 của Chánh Thanh tra thành phố Rach Giá)

Bảng kê số 02

STT	NỘI DUNG	CHI			GHI CHÚ
		Năm 2021	Năm 2022	Tổng	
I	NGUỒN NGÂN SÁCH NĂM 2021-2022	5.009.150.925	4.958.720.867	9.967.871.792	
1	Kinh phí tự chủ (mã nguồn 13)	3.903.169.755	4.674.410.867	8.577.580.622	
1.1	Chi thường xuyên	3.782.106.850	4.468.105.772	8.250.212.622	
1.2	Chi thu nhập tăng thêm	121.062.905	206.305.095	327.368.000	
2	Kinh phí không tự chủ (mã nguồn 12,15)	373.750.000	284.310.000	658.060.000	
3	Kinh phí cải cách tiền lương (mã nguồn 14)	732.231.170	0	732.231.170	
3.1	Tiền lương, tiền công	400.649.200		400.649.200	
3.2	Các khoản phụ cấp	217.513.520		217.513.520	
3.3	Các khoản đóng góp (BHXH, BHYT, KPCĐ)	114.068.450		114.068.450	
II	CHI CÁC NGUỒN THU CỦA HỌC SINH NĂM HỌC 2021-2022 VÀ NĂM HỌC 2022-2023	74.100.000	65.688.000	139.788.000	
4	Chi phục vụ vệ sinh	15.400.000	24.200.000	39.600.000	
5	Chi mua ghế ngồi chào cờ	3.300.000	4.950.000	8.250.000	
6	Chi mua đồ dùng, học bạ cho học sinh	6.078.000	15.600.000	21.678.000	
7	Chi Chăm sóc sức khỏe ban đầu	24.498.000		24.498.000	
8	Chi kế hoạch nhỏ, heo đất	10.255.000	20.938.000	31.193.000	
9	Chi kinh phí hoạt động Ban hoạt động cha mẹ học sinh	14.569.000		14.569.000	
III	CHI PHỤC VỤ DẠY BÁN TRÚ	0	1.147.179.050	1.147.179.050	
10	Chi hoạt động dạy bán trú	0	212.088.750	212.088.750	
11	Chi tiền ăn cho học sinh bán trú	0	913.920.000	913.920.000	
11	Chi mua sắm cơ sở vật chất bán trú ban đầu	0	21.170.300	21.170.300	
IV	NGUỒN THU THÙ LAO, HOA HỒNG	17.269.600	17.351.887	34.621.487	

STT	NỘI DUNG	CHI			GHI CHÚ
		Năm 2021	Năm 2022	Tổng	
12	Chi tiền thù lao, hoa hồng BHYT, BHTN	17.269.600	17.351.887	34.621.487	
V	CHI DẠY ANH VĂN, TIN HỌC	3.920.000	20.295.000	24.215.000	
13	Chi dạy tin học	0	20.295.000	20.295.000	
14	Chi dạy anh văn	3.920.000		3.920.000	
VI	CHI NGUỒN VẬN ĐỘNG	73.436.000	88.426.000	161.862.000	
15	Chi khen thưởng học sinh	73.436.000	88.426.000	161.862.000	
VII	NGUỒN TRÍCH LẬP QUỸ	33.840.000	39.284.999	73.124.999	
16	Quỹ hoạt động phát triển sự nghiệp	17.850.000		17.850.000	
17	Quỹ phúc lợi	15.390.000	32.479.999	47.869.999	
18	Quỹ khen thưởng	600.000	6.805.000	7.405.000	
	TỔNG CỘNG	5.211.716.525	6.336.945.803	11.548.662.328	

BẢNG CÂN ĐỐI THU - CHI

(Ban hành kèm theo Kết luận thanh tra số 209/KL-TTr ngày 08/11/2023 của Chánh Thanh tra thành phố Rach Giá)

Bảng kê số 03

STT	Nội dung	Tồn đầu kỳ		Thu	Chi	Tồn cuối kỳ		Ghi chú
		Tiền mặt	Kho bạc			Tiền mặt	Kho bạc	
I	NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	0	496.423.145	9.696.599.318	9.967.871.792	0	225.150.671	
1	Kinh phí tự chủ (mã nguồn 13)		475.394.048	8.327.337.245	8.577.580.622		225.150.671	
2	Kinh phí cải cách tiền lương (mã nguồn 14)		21.029.097	711.202.073	732.231.170		0	
3	Kinh phí không tự chủ (mã nguồn 12)		0	232.000.000	232.000.000		0	
4	Kinh phí không tự chủ (mã nguồn 15)		0	406.750.000	406.750.000		0	
5	Kinh phí khen thưởng		0	19.310.000	19.310.000		0	
II	CÁC NGUỒN THU CỦA HỌC SINH NĂM HỌC 2021-2022 VÀ NĂM HỌC 2022-2023	9.841.172	125.749.875	90.816.000	139.788.000	8.924.172	77.694.875	
6	Nguồn Phục vụ Vệ sinh		10.120.000	33.300.000	39.600.000		3.820.000	
7	Ghế ngồi chào cờ		150.000	8.100.000	8.250.000		0	
8	Nguồn Đồ dùng, học bạ		15.890.500	19.140.000	21.678.000		13.352.500	
9	Nguồn Chăm sóc sức khỏe ban đầu		65.505.800		24.498.000		41.007.800	
10	Nguồn Kế hoạch nhỏ, heo đất	9.841.172	0	30.276.000	31.193.000	8.924.172		
11	Nguồn kinh phí hoạt động Ban đại diện cha mẹ học sinh		34.083.575	0	14.569.000		19.514.575	
III	NGUỒN BÁN TRÚ		38.964.080	1.320.720.000	1.147.179.050	0	212.505.030	
12	Bán trú (thu dịch vụ)		24.114.080	386.250.000	212.088.750		198.275.330	
13	Bán trú (thu tiền ăn)			913.920.000	913.920.000		0	
14	Bán trú (thu cơ sở VC ban đầu)		14.850.000	20.550.000	21.170.300		14.229.700	
IV	NGUỒN THU ANH VĂN, TIN HỌC		24.121.750	22.500.000	24.215.000	0	22.406.750	
15	Nguồn Quỹ dạy tin học		16.016.750	22.500.000	20.295.000		18.221.750	
16	Nguồn Quỹ dạy anh Văn		8.105.000	0	3.920.000		4.185.000	
V	NGUỒN VẬN ĐỘNG TÀI TRỢ, XÃ HỘI HÓA		68.771.500	96.293.158	161.862.000	0	3.202.658	
17	Khen thưởng cho học sinh		68.771.500	96.293.158	161.862.000		3.202.658	
VI	NGUỒN THU THỦ LAO, HOA HỒNG		0	34.621.487	34.621.487	0	0	
18	Nguồn thu BHYT, BHTN		0	34.621.487	34.621.487		0	
VII	NGUỒN TRÍCH LẬP QUỸ		599.030.487	1.500.000	73.124.999	0	527.405.488	

STT	Nội dung	Tồn đầu kỳ		Thu	Chi	Tồn cuối kỳ		Ghi chú
		Tiền mặt	Kho bạc			Tiền mặt	Kho bạc	
19	Quỹ hoạt động phát triển sự nghiệp		22.297.269	0	17.850.000		4.447.269	
20	Quỹ phúc lợi		342.593.477	0	47.869.999		294.723.478	
21	Quỹ khen thưởng		185.219.401	0	7.405.000		177.814.401	
22	Nguồn hoạt động dịch vụ		48.920.340	1.500.000	0		50.420.340	
	TỔNG	9.841.172	1.353.060.837	11.263.049.963	11.548.662.328	8.924.172	1.068.365.472	